

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\*

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**KHÓA 15**

Tên chương trình : Quản trị kinh doanh  
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)  
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh  
(Business Administration)  
Mã ngành : 7340101  
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Dương, 2024

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

## MỤC LỤC

<b>BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
<b>A. GIỚI THIỆU CHUNG .....</b>	<b>1</b>
<b>I. Thông tin chung về CTĐT .....</b>	<b>1</b>
<b>II. Tầm nhìn - Sứ Mệnh - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục.....</b>	<b>1</b>
<b>B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>2</b>
<b>I. Mục tiêu đào tạo.....</b>	<b>2</b>
1.1. Mục tiêu chung .....	2
1.2. Mục tiêu cụ thể .....	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm.....	3
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	3
<b>II. Chuẩn đầu ra .....</b>	<b>3</b>
2.1. Kiến thức.....	3
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm .....	4
<b>III. Nội dung chương trình đào tạo.....</b>	<b>5</b>
<b>IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....</b>	<b>8</b>
<b>V. Tiến trình đào tạo .....</b>	<b>12</b>
<b>VI. Nội dung các học phần.....</b>	<b>13</b>
6.1. Mô tả học phần .....	13
6.2. Đề cương chi tiết học phần .....	26

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHSD, ngày 15 tháng 7 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### A. GIỚI THIỆU CHUNG

#### I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Quản trị kinh doanh (Business Administration)
- Mã ngành đào tạo: 7340101
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)
- Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (*không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý*).
- Khoa quản lý: Khoa Kinh tế
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn về lĩnh vực kế toán.
- Chương trình tham khảo:
  - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh*.
  - Trường Đại học Thương mại, Việt Nam (2019), *Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh*.
  - University of Delhi, India (2019), *Bachelor of Management studies*.
  - Troy University, United States of America (2018), *Bachelor of science Business administration*.
- Thời điểm cập nhật: Tháng 6 năm 2024.

## **II. Tầm nhìn - Sứ Mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục**

### **2.1. Tầm nhìn - 2030**

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật – Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ Khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

### **2.2. Sứ mạng - 2025**

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

### **2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025**

1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

### **2.4. Triết lý giáo dục**

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

## **B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội, nhân văn; có kiến thức chuyên môn

toàn diện; có khả năng hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh tại tổ chức kinh tế; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển bản thân trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Kiến thức**

#### *1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương*

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, tin học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

#### *1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp*

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế, thống kê, thương mại, marketing, tài chính và kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh, quản trị nhân lực, tác nghiệp, chất lượng, thương hiệu để quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Có kỹ năng khai thác mạng internet và phần mềm tin học văn phòng để thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

### **1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Quyết định và hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

### **1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Quản trị kinh doanh; đảm nhận được công việc tại các tổ chức kinh tế, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh với vai trò quản trị, điều hành kinh doanh, giảng dạy và nghiên cứu; tự tạo lập doanh nghiệp và theo học ở trình độ cao hơn.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, ngoại ngữ và khoa học xã hội, tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Phân tích được quan hệ cung cầu trên thị trường, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, phương pháp kế toán và hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu, chính sách marketing và thương mại để đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

2.1.5. Phân tích được chiến lược kinh doanh, hoạch định nguồn nhân lực, quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu để giải quyết các vấn đề/tình huống trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

2.1.6. Xây dựng và đánh giá được kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tổ chức kinh tế.

## **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Giải thích và truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.2. Vận dụng được các chính sách về phát triển nguồn nhân lực, quản trị chất lượng để xây dựng và phát triển thương hiệu phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của tổ chức kinh tế.

2.2.3. Thẩm định và tổ chức triển khai được phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

2.2.4. Xây dựng được mô hình tổ chức trong hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên phân tích, đánh giá các chính sách quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có sức khỏe, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Phát triển được khả năng tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

2.3.3. Đề xuất được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến quản trị kinh doanh.

2.3.4. Thiết lập được quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

**III. Nội dung chương trình đào tạo****A. HỌC PHẦN KHÔI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>52</b>		
<b>3.1.1</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
<b>3.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
<b>3.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
<b>3.1.3.1</b>		<b>Tiếng Anh</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
10	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
11	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
12	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.3.2</b>		<b>Tiếng Trung Quốc</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
13	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
14	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
15	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.3.3</b>		<b>Tiếng Nhật</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
16	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
17	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
18	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
<b>3.1.4</b>		<b>Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>2</b>
19	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0
20	TOAN 017	Giải tích	2	2	0
21	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
22	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
<b>3.1.5</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
23	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
<b>3.1.6</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
24	GDTC 001	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
25	GDTC 002	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
26	GDTC 003	Giáo dục thể chất 3	1	0	1



STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>3.1.7</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>	<b>8 TC (165 tiết)</b>		
27	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
<b>3.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>94</b>	<b>62</b>	<b>32</b>
<b>3.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>0</b>
28	QTKD 041	Kinh tế vi mô	3	3	0
29	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô	3	3	0
30	QTKD 055	Pháp luật kinh tế	2	2	0
31	QTKD 042	Lý thuyết thống kê	2	2	0
32	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính	2	2	0
33	QTKD 054	Kinh tế lượng	3	3	0
34	QTKD 053	Thương mại điện tử	3	3	0
35	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0
<b>3.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>18</b>	<b>13</b>	<b>5</b>
<b>3.2.2.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>15</b>	<b>11</b>	<b>4</b>
36	QTKD 018	Thống kê doanh nghiệp	3	2	1
37	QTKD 003	Giao tiếp trong kinh doanh	3	2	1
38	QTKD 012	Thương mại quốc tế	3	2	1
39	QTKD 009	Quản trị học	3	3	0
40	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán	3	2	1
<b>3.2.2.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
41	KETOAN 007	Kế toán quản trị	3	2	1
42	QTKD 006	Kế toán tài chính	3	2	1
43	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán	3	2	1
<b>3.2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>36</b>	<b>29</b>	<b>7</b>
<b>3.2.3.1</b>		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>33</b>	<b>26</b>	<b>7</b>
44	QTKD 044	Quản trị kinh doanh	4	4	0
45	QTKD 020	Quản trị chiến lược	4	3	1
46	QTKD 008	Quản trị Marketing	3	2	1
47	QTKD 029	Quản trị thương hiệu	3	2	1
48	QTKD 028	Quản trị bán hàng	3	2	1
49	QTKD 046	Quản trị nhân lực	3	3	0
50	QTKD 049	Quản trị tác nghiệp	4	3	1
51	QTKD 010	Quản trị chất lượng	3	2	1
52	KETOAN 053	Quản trị tài chính	3	3	0
53	KETOAN 061	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2	1
<b>3.2.3.2</b>		<b>Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>
54	QTKD 048	Quản trị sự thay đổi	3	3	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
55	QTKD 047	Quản trị rủi ro	3	3	0
56	QTKD 045	Quản trị logistic	3	3	0
<b>3.2.4</b>		<b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>20</b>
57	QTKD 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
58	QTKD 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
59	QTKD 401	Khóa luận tốt nghiệp ( <i>hoặc học thêm một số học phần chuyên môn sau</i> )	10	0	10
60	QTKD 039	Đề án Quản trị tác nghiệp	3	0	3
61	QTKD 038	Đề án Quản trị kinh doanh	7	0	7
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>146</b>		

## B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>I. Học phần điều kiện</b>			<b>8</b>	<b>6</b>	<b>2</b>
<b>I.1</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
1	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
<b>I.2</b>		<b>Ngoại ngữ</b> ( <i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i> )	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
3	TANH 043/ TTRUNG020/ TNHAT 011	Tiếng Anh ngành QTKD/ Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao /Tiếng Nhật nâng cao	2	2	0
<b>II. Học phần tự chọn tùy ý</b>			<b>14</b>	<b>7</b>	<b>7</b>
4	QTKD 043	Marketing thương mại điện tử	3	2	1
5	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	1	1
6	QTKD 050	Quản trị văn phòng	3	2	1
7	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp	3	2	1
8	QTKD 406	Thực tập giữa khóa	3	0	3
<b>Tổng (tín chỉ)</b>			<b>22</b>	<b>13</b>	<b>9</b>

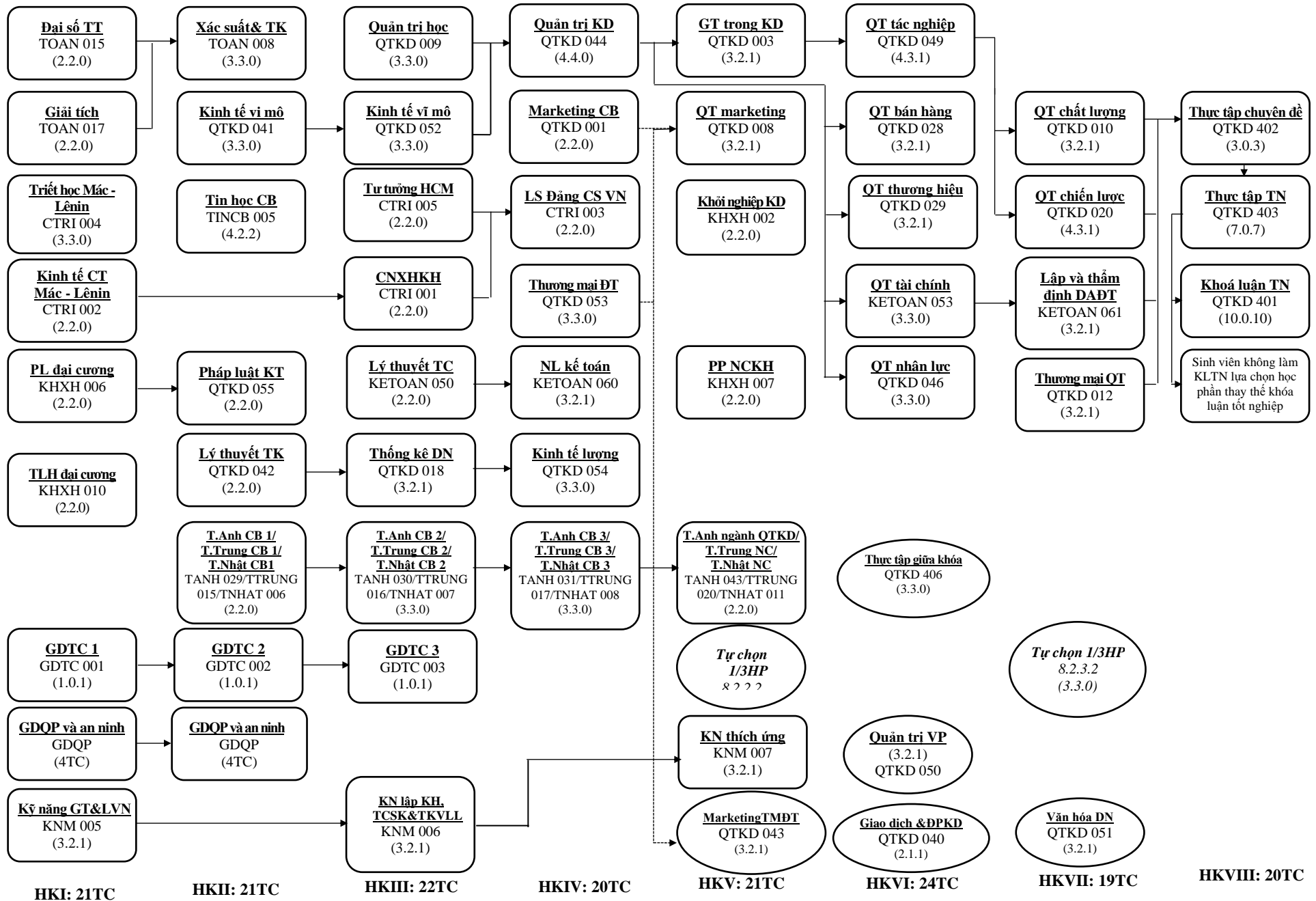
**IV. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra CTĐT**

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			4		4	
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3					3						3			
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2									3			4		4	
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				4							4			4	4	4
10	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	3											3	3			
11	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3											3	3			
12	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3											3	3			
13	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	3											3	3			
14	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3											3	3			
15	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3											3	3			
16	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	3											3	3			
17	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3											3	3			
18	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3											3	3			
19	TOAN 015	Đại số tuyến tính	3						2						2			
20	TOAN 017	Giải tích	3						2						2			
21	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3						3						2			
22	TINCB 005	Tin học cơ bản	3											3	3	3		
23	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
24	GDTC	Giáo dục thể chất	2										3			4			
25	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2										3			4			
26	QTKD 041	Kinh tế vi mô				4			4							4	4		
27	QTKD 052	Kinh tế vĩ mô				4			4							4	4		
28	QTKD 055	Pháp luật kinh tế				4			4							4	4		
29	QTKD 042	Lý thuyết thống kê				4			4							4	4		
30	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính				4			4							4	4		
31	QTKD 054	Kinh tế lượng		4		4			4							4	4		
32	QTKD 053	Thương mại điện tử				4			4							4	4		
33	QTKD 001	Marketing căn bản				4			4							4	4		
34	QTKD 018	Thống kê doanh nghiệp		4		4			4							4	4		
35	QTKD 003	Giao tiếp trong kinh doanh				4	4		4			4		4	4	4	4		
36	QTKD 012	Thương mại quốc tế				4			4			4				4	4		
37	QTKD 009	Quản trị học					3			3							3	3	
38	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán				3						3				3			
39	KETOAN 007	Kế toán quản trị				3						3				3			
40	QTKD 006	Kế toán tài chính				3						3				3			
41	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán				3						3				3			
42	QTKD 044	Quản trị kinh doanh					4	4	2	4	4	4			3	3	4	4	
43	QTKD 020	Quản trị chiến lược					4	4	2	4		4			3	3	4	4	
44	QTKD 008	Quản trị Marketing				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4	
45	QTKD 029	Quản trị thương hiệu					4	4	2	4		4			3	3	4	4	
46	QTKD 028	Quản trị bán hàng				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4	
47	QTKD 046	Quản trị nhân lực					4	4	2	4		4			3	3	4	4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
48	QTKD 049	Quản trị tác nghiệp					4	4	2	4		4			3	3	4	4
49	QTKD 010	Quản trị chất lượng					4	4	2	4		4			3	3	4	4
50	KETOAN 053	Quản trị tài chính					4	4	2	4	4	4			3	3	4	4
51	KETOAN 061	Lập và thẩm định dự án đầu tư						5	2	4	4	4	4		3	3	4	4
52	QTKD 048	Quản trị sự thay đổi					4	4	2	4		4			3	3	4	4
53	QTKD 047	Quản trị rủi ro					4	4	2	4		4			3	3	4	4
54	QTKD 045	Quản trị logistic					4	4	2	4		4			3	3	4	4
55	QTKD 402	Thực tập chuyên đề				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4
56	QTKD 403	Thực tập tốt nghiệp				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4
57	QTKD 401	Khóa luận tốt nghiệp				5	5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
58	QTKD 039	Đề án Quản trị tác nghiệp					5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
59	QTKD 038	Đề án Quản trị kinh doanh					5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
60	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2										4	3		4		4
61	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2										4	3		4		4
62	TANH 043/ TTRUNG020/ TNHAT 011	Tiếng Anh ngành QTKD/Tiếng Trung nâng cao/Tiếng Nhật nâng cao	3											3	3			
63.	QTKD 043	Marketing thương mại điện tử				4		4	4							4	4	
64.	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh					4	4	4				4		4	4		
65.	QTKD 050	Quản trị văn phòng						4									4	4
66.	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp					4	4		4		4	4			4	4	4
67.	QTKD 406	Thực tập giữa khóa				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	

## V. Tiến trình đào tạo



## **VI. Nội dung các học phần**

### **6.1. Mô tả các học phần**

#### **1. Triết học Mác-Lênin**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về triết học, triết học Mác -Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng (vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng); nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử (hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; Nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội, triết học về con người).

#### **2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản khoa học về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh của thế giới ngày nay và các nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh mới. Cụ thể: kinh tế thị trường và các quy luật của kinh tế thị trường; lý luận C. Mác về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư trong kinh tế thị trường; tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; lợi ích kinh tế phát triển ở Việt Nam; cách mạng công nghiệp với sự phát triển ở Việt Nam; hội nhập kinh tế quốc tế và đảm bảo lợi ích quốc gia Việt Nam.

#### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thông qua giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

## **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

## **6. Pháp luật đại cương**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh.

## **7. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

## **8. Tâm lý học đại cương**

Học phần giới thiệu cho sinh viên nội dung về cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

## **9. Khởi nghiệp kinh doanh**

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về thiết lập các mối quan hệ trong doanh nghiệp.

## **10. Tiếng Anh căn bản 1**

Học phần tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:



Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, động từ tobe, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, sở hữu cách.

Từ vựng: Các nhóm danh từ chỉ nghề nghiệp, gia đình, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

### **11. Tiếng Anh căn bản 2**

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ,...

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao,...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hàng ngày, giao tiếp, ứng xử,...

### **12. Tiếng Anh căn bản 3**

Học phần Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau (giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống).

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

### **13. Tiếng Trung căn bản 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung (cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán).

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Ngữ pháp: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在,... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ,...

### **14. Tiếng Trung căn bản 2**

Học phần Tiếng Trung căn bản 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu

vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

### **15. Tiếng Trung căn bản 3**

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

### **16. Tiếng Nhật căn bản 1**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.

Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.

Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

### **17. Tiếng Nhật căn bản 2**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 1 đến bài 2.

Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

### **18. Tiếng Nhật căn bản 3**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 3 đến bài 6.

Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

### **19. Đại số tuyến tính**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

### **20. Giải tích**

Học phần cung cấp kiến thức về các hàm một biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân); hàm nhiều biến số (giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai).

### **21. Xác suất và thống kê**

Học phần cung cấp kiến thức về xác suất (giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, các công thức xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều); lý thuyết thống kê (lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết).

### **22. Tin học cơ bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về máy tính, hệ điều hành windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Học phần tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

### **23. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm**

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cần thiết trong giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp; khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm. Từ đó sinh viên biết vận dụng giao tiếp, làm việc nhóm vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong cuộc sống hằng ngày.

### **24. Giáo dục thể chất 1**

Học phần Giáo dục thể chất 1, sinh viên được lựa chọn một trong các môn thể thao phù hợp với năng khiếu và cấu trúc giải phẫu của cơ thể để học tập, rèn luyện nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực:

- *Bóng đá 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân và một số bài tập bổ trợ phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và một số bài tập phát triển thể lực chung, thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi.

- *Khiêu vũ thể thao 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; phân loại khiêu vũ thể thao, các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 9 bước và vũ điệu Chachacha, qua đó sinh viên hiểu được các luật khiêu vũ cơ bản và nhận biết các giai điệu trong khiêu vũ.

- *Golf 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, một số kỹ thuật cơ bản của môn Golf: kỹ thuật cầm gậy, kỹ thuật cầm gậy đẩy. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên phân tích và thực hành được những kỹ thuật cơ bản.

- *Pickleball 1*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật sân bãi, dụng cụ thi đấu; tư thế đứng và cách di chuyển, cách cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng cơ bản trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## **25. Giáo dục thể chất 2**

Học phần Giáo dục thể chất 2 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật của môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1. Sang học phần Giáo dục thể chất 2, sinh viên được học những kỹ thuật có độ khó cao hơn và hoàn thiện hơn về các tổ chất vận động cơ bản.

- *Bóng đá 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật ném biên và kỹ thuật ném biên; sinh viên được tập luyện những bài tập hỗ trợ phát triển thể lực chung và chuyên môn, nhằm phát triển hoàn thiện kỹ thuật cơ bản trong bóng đá của sinh viên

- *Bóng chuyền hơi 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: kỹ thuật chuyên bóng cao tay, kỹ năng chuyên hai trong thi đấu, qua đó giúp sinh viên làm quen với hoạt động thi đấu trên sân, tăng cường thể lực thông qua tập luyện kỹ thuật.

- *Khiêu vũ thể thao 2*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vũ điệu Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha. Sinh viên tiếp cận các kỹ thuật nhảy Disco 18 bước và vũ điệu Bachacha qua các kiến thức và hệ thống bài luyện tập, thông qua đó giúp sinh viên nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc, phối hợp vũ đạo và âm nhạc.

- *Golf 2*: Nội dung của học phần 2 kế thừa và liên thông một số kỹ thuật cơ bản của học phần 1, phân tích và thực hiện được kỹ thuật vung gậy, kỹ thuật tiếp xúc bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf.

- *Pickleball 2*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 1, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật cắt bóng và kỹ thuật bỏ nhỏ trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## 26. Giáo dục thể chất 3

Học phần Giáo dục thể chất 3 là sự kế thừa và liên thông kỹ thuật môn thể thao mà sinh viên đã lựa chọn ở học phần Giáo dục thể chất 1 và 2. Sang học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được học những kỹ thuật hoàn thiện hơn, được hướng dẫn phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và các em được thể hiện kỹ năng của bản thân thông qua hoạt động thi đấu giữa các đội tuyển, tổ nhóm.

- *Bóng đá 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; phân tích, thực hiện được kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu môn và một số bài tập thi đấu để phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng đá.

- *Bóng chuyền hơi 3*: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: công tác trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu; kỹ thuật phát bóng; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền hơi, giúp sinh viên hoàn thiện kỹ thuật và tăng cường thể lực thông qua tập luyện.

- *Khiêu vũ thể thao 3*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Luật thi đấu môn khiêu vũ thể thao, tác dụng và các kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Disco 24 bước và vũ điệu Bebop, thông qua đó giúp sinh viên có được cơ thể khỏe mạnh, một tinh thần phấn chấn, lạc quan, phát triển toàn diện.

- *Golf 3*: Nội dung của học phần 3 gồm những kiến thức cơ bản về: chiến thuật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài; một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Golf, giúp sinh viên rèn tính kiên trì, trung thực, văn hóa ứng xử trên sân.

- *Pickleball 3*: Nội dung của học phần kế thừa những kiến thức từ học phần GDTC 2, hoàn thiện các kỹ thuật thi đấu như kỹ thuật đánh bóng trên không, kỹ thuật đánh bóng nửa nảy và kỹ thuật đập bóng trong môn Pickleball, một số bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn Pickleball.

## 27. Giáo dục quốc phòng và An ninh

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

## 28. Kinh tế vi mô

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

### **29. Kinh tế vĩ mô**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, chính sách vĩ mô của Nhà nước; phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các biến số và quá trình thay đổi kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

### **30. Pháp luật kinh tế**

Học phần trang bị kiến thức về pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh (chủ thể thành lập doanh nghiệp, tham gia thị trường, rút lui khỏi thị trường: Lựa chọn loại hình doanh nghiệp, tên doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, tổ chức chia tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp; ký kết hợp đồng; giải quyết các tranh chấp trong quá trình kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành) kết hợp lý thuyết với các bài tập tình huống giúp sinh viên hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa, nội dung của các quy định pháp luật kinh tế đồng thời hỗ trợ rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật cũng như tra cứu các văn bản luật.

### **31. Lý thuyết thống kê**

Lý thuyết thống kê là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và tính quy luật của hiện tượng thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Lý thuyết thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

### **32. Lý thuyết tài chính**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về tài chính, hệ thống tài chính; thị trường tài chính; tìm hiểu nội dung của các khâu ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế và các tổ chức tài chính trung gian. Phân biệt được phạm trù tài chính với các phạm trù: tiền tệ, giá cả, tiền lương, lãi suất,... Qua đó đánh giá sự tác động của các quan hệ tài chính đó tới nền kinh tế.

### **33. Kinh tế lượng**

Học phần Kinh tế lượng cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học để mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng được mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục, với mục đích lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

### **34. Thương mại điện tử**

Học phần Thương mại điện tử cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại điện tử; các hình thức thương mại điện tử B2C, B2B; hệ thống thanh toán điện tử; hành vi khách hàng và marketing trên internet.

### **35. Marketing căn bản**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing - mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp, marketing dịch vụ.

### **36. Thống kê doanh nghiệp**

Thống kê doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

### **37. Giao tiếp trong kinh doanh**

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế về giao tiếp, những vấn đề lý luận về giao tiếp, những kiến thức về những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết thư tín, báo cáo,... đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phương tiện trong giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất.

### **38. Thương mại quốc tế**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại quốc tế; lý thuyết thương mại quốc tế cổ điển và tân cổ điển, lý thuyết thương mại quốc tế hiện đại; thương mại quốc tế nội bộ ngành, lợi thế theo quy mô và cạnh tranh không hoàn hảo; hàng rào thuế quan và hàng rào thương mại phi thuế quan; liên kết kinh tế trong thương mại quốc tế. Sinh viên sẽ có cái nhìn toàn diện về hoạt động thương mại quốc tế và trang bị cho mình kỹ năng về giao dịch trên thị trường trong, ngoài nước.

### **39. Quản trị học**

Học phần giới thiệu các chức năng của nhà quản trị như: Chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định và sự phát triển của tư tưởng quản trị.

### **40. Nguyên lý kế toán**

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, đối tượng nghiên cứu của kế toán; các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các học phần kế toán.

### **41. Kế toán quản trị**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, tổng quan về kế toán quản trị; phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các quyết định về giá bán và các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định.

### **42. Kế toán tài chính**

Học phần này nhằm trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư tài chính, kế toán vật tư, tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả, kế toán các khoản nợ trong DN, kế

toán nguồn vốn chủ sở hữu, hệ thống báo cáo tài chính.

#### **43. Thị trường chứng khoán**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về thị trường chứng khoán như: nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán được giao dịch, thị trường sơ giao dịch và thị trường phi tập trung, các quỹ đầu tư và các tổ chức kinh doanh chứng khoán. Giúp sinh viên tiếp cận các phương pháp phân tích chứng khoán trong hoạt động đầu tư.

#### **44. Quản trị kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về quản trị kinh doanh, môi trường kinh doanh, kỹ năng quản trị, phong cách quản trị, ra quyết định quản trị và cấu trúc tổ chức kinh doanh. Học phần giúp sinh viên có kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, xây dựng bộ máy quản trị. Từ đó xây dựng tiềm lực, nền tảng để giúp sinh viên khi ra trường có kiến thức và kỹ năng để nhận biết và ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

#### **45. Quản trị chiến lược**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quản trị chiến lược, quy trình quản trị chiến lược. Hướng dẫn sinh viên cách thức phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của từng doanh nghiệp; giới thiệu công cụ để phân tích và lựa chọn chiến lược, quy trình lựa chọn chiến lược; các chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh, cấp chức năng và chiến lược mang tính toàn cầu hóa; nội dung các bước của việc tổ chức thực hiện chiến lược; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

#### **46. Quản trị marketing**

Học phần giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội, nguy cơ của thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, quản trị chiến lược marketing, tổ chức thực hiện chương trình marketing, kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động marketing.

#### **47. Quản trị thương hiệu**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản trị thương hiệu, đồng thời phải trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng các lý luận quản trị thương hiệu hiện đại vào thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp.

#### **48. Quản trị bán hàng**

Trong nội dung học phần sinh viên cần nắm vững các kiến thức cơ bản về bán hàng, quản trị bán hàng; hành vi mua hàng của khách hàng tiêu dùng, khách hàng tổ chức; phương pháp bán hàng. Sau khi học xong học phần quản trị bán hàng sinh viên vận dụng được các kỹ năng bán hàng cơ bản vào trong tình huống thực tế để xử lý tốt các tình huống bán hàng cũng như rèn luyện và nâng cao khả năng thuyết trình, xây dựng được bản mô tả công việc, xây dựng được chương trình khuyến mãi và xây dựng quy trình mua hàng của khách hàng tiêu dùng và khách hàng tổ chức.

#### **49. Quản trị nhân lực**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về vai trò quản trị nhân lực trong tổ chức hay doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức về quản trị nhân sự và các quan hệ dân sự,



chính sách lao động tiền lương, biện pháp để quản lý người lao động, giúp người lao động gắn bó với doanh nghiệp.

### **50. Quản trị tác nghiệp**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp dự báo, nhân tố ảnh hưởng và hoạch định công suất, nhân tố ảnh hưởng và phương pháp định vị doanh nghiệp; chiến lược và các phương pháp hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, phương pháp phân giao công việc trong doanh nghiệp, xác định kích cỡ lô hàng. Qua đó giúp sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị tác nghiệp tại doanh nghiệp.

### **51. Quản trị chất lượng**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản trị chất lượng, các hiểu biết về hệ thống quản lý chất lượng và công cụ thống kê chất lượng sản phẩm. Thông qua học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý chất lượng và sử dụng các công cụ thống kê trong quản trị chất lượng.

### **52. Quản trị tài chính**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị tài chính của các doanh nghiệp như: Quản trị các loại vốn trong doanh nghiệp, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn qua thị trường tài chính và phương pháp thẩm định hiệu quả dự án đầu tư, phương pháp lập kế hoạch tài chính trong doanh nghiệp.

### **53. Lập và thẩm định dự án đầu tư**

Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án (các loại dự án đầu tư, nguồn hình thành vốn đầu tư,... và hệ thống các văn bản pháp luật về dự án đầu tư của Việt Nam). Học phần làm rõ những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, chỉ rõ trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; công tác tổ chức soạn thảo dự án; nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội. Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần này đã cung cấp, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình ở năm thứ tư.

### **54. Quản trị sự thay đổi**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự cân đối và sự thay đổi trong tổ chức. Học phần đề cập đến các vấn đề về tính cấp thiết của sự thay đổi, lợi ích của sự thay đổi đối với tổ chức và tác động của nó đến các cá nhân trong tổ chức và lý do tại sao các tổ chức lại tham gia vào các chương trình thay đổi.

### **55. Quản trị rủi ro**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các định chế tài chính; các mô hình đo lường rủi ro; quản trị rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro tỷ giá; quản trị rủi

ro lãi suất; quản trị rủi ro thanh khoản nhằm tăng cường công tác quản trị rủi ro tại các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

### **56. Quản trị logistic**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về logistic, quản trị logistic doanh nghiệp, cơ sở của quản trị logistic. Các hoạt động quản trị logistic bao gồm: quản trị nhu cầu, quản trị sự trữ, quản trị kho hàng hoá, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hoá, quản trị dịch vụ khách hàng,...

### **57. Thực tập chuyên đề**

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với cơ cấu quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, phương thức điều hành, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập; vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hành quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

### **58. Thực tập tốt nghiệp**

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác quản trị thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

### **59. Khóa luận tốt nghiệp**

Giúp sinh viên củng cố, nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

### **60. Đề án quản trị tác nghiệp**

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kiến thức để có cách nhìn tổng quan về quản trị tác nghiệp cho doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý tác nghiệp trong doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn, là cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

### **61. Đề án quản trị kinh doanh**

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kiến thức để có cách nhìn tổng quan về quản trị kinh doanh, về quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp, giúp sinh viên

kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn, là cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

### **62. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm**

Học phần giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng:

+ Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

+ Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

### **63. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng thích ứng; biểu hiện của kỹ năng thích ứng với môi trường sống, trong học tập và môi trường làm việc của sinh viên; giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng; khái niệm, đặc điểm, lợi ích của kỹ năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, các bước và phương pháp tư duy phản biện, tư duy sáng tạo. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, kỹ năng phản biện, tư duy sáng tạo, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

### **64. Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

Từ vựng: Học phần cung cấp hệ thống từ vựng chủ điểm về nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm,...

Ngữ pháp: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ, cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ,...

Kỹ năng: Luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại.

### **65. Tiếng Trung nâng cao**

Học phần cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết,... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành

động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

### **66. Tiếng Nhật nâng cao**

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Chữ Kanji thường dùng từ bài 7 đến bài 8.

Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

### **67. Thực tập giữa khóa**

Học phần Thực tập giữa khóa nhằm mục đích tạo cơ hội cho sinh viên năm thứ ba bước đầu được tiếp xúc, tìm hiểu thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó viết báo cáo thực tập.

Học phần này giúp sinh viên cọ sát với thực tiễn kinh doanh, thực tiễn làm việc tại các cơ quan, đơn vị có lĩnh vực hoạt động phù hợp với chuyên ngành đào tạo trong trường. Bên cạnh đó, thông qua đợt thực tập giữa khóa, sinh viên có thể xác định hướng nghiên cứu cho khoá luận tốt nghiệp hoặc thiết lập mối quan hệ với doanh nghiệp cho đợt thực tập tốt nghiệp.

### **68. Marketing thương mại điện tử**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về marketing điện tử, phân tích được hiện trạng tiếp cận khách hàng trên môi trường internet của doanh nghiệp và ứng dụng các công cụ, phương tiện marketing trên môi trường internet trong lĩnh vực kinh doanh điện tử; công tác quản trị marketing để thực hiện các kế hoạch marketing điện tử cho mô hình kinh doanh của cá nhân hay doanh nghiệp.

### **69. Giao dịch và đàm phán kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh: Những vấn đề cơ bản trong giao dịch kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và những điều cần biết khi giao dịch kinh doanh, văn hoá trong giao dịch và đàm phán kinh doanh, những nguyên lý cơ bản về đàm phán kinh doanh, chiến lược trong đàm phán kinh doanh, quá trình đàm phán hợp đồng trong kinh doanh. Sau khi học xong học phần, sinh viên vận dụng được các kỹ năng giao dịch và đàm phán cơ bản vào trong tình huống thực tế để xử lý tốt các tình huống giao dịch và đàm phán kinh doanh cũng như rèn luyện và nâng cao khả năng thuyết trình, xây dựng được quy trình đàm phán kinh

doanh, xây dựng được chiến lược đàm phán và vận dụng được các quy tắc, các văn hoá trong giao dịch và đàm phán kinh doanh.

### **70. Quản trị văn phòng**

Học phần Quản trị văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công việc liên quan tới văn phòng và tổ chức kiểm tra công việc văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công việc văn phòng trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

### **71. Văn hóa doanh nghiệp**

Học phần văn hóa kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành phần cơ bản hình thành lên văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp như triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, mẫu mã sản phẩm, kiến trúc của doanh nghiệp,... Trình bày cấu trúc nhân cách doanh nhân, giúp sinh viên có công cụ phân tích đánh giá hình thành lên nhân cách sống tích cực, có lập trường vững vàng.

## **6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)**

